

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 205/2024/DS-ST

Ngày: 22-5-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Văn Chính.

2. Bà: Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Thông báo dời phiên tòa số 26/TB-TA ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Thị A, sinh năm 1949 (vắng mặt).

+ Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1972 (vắng mặt).

+ Nguyễn Anh T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

- Người làm chứng:

+ Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

+ Trần Thị C, sinh năm 1962 (vắng mặt).

+ Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

+ Liễu Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T

+ Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:*

Bà T làm thảo hụi, bà A tham gia góp hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi 1: Mở ngày 10/02/2023 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 35 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng được 07 kỳ hụi, số tiền 3.900.000 đồng.

- Dây hụi 2: Mở ngày 10/02/2023 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 35 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng được 07 kỳ hụi, số tiền 4.200.000 đồng.

Tổng cộng bà A đã đóng tiền hụi cho bà T là 8.100.000 đồng. Ngày 15/8/2023 âm lịch, bà T kêu bẻ hụi, nhưng đến nay bà Thủy không trả tiền hụi lại cho bà A.

Bà A yêu cầu bà T trả lại cho bà A tiền hụi 8.100.000 đồng; yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị A, Trần Thị Thanh Th, Nguyễn Anh T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.*

** Người làm chứng Trần Thị Ngọc H, Trần Thị C, Nguyễn Thị Kim N, Liễu Thị H, Trần Thị Ngọc P vắng mặt; theo biên bản lấy lời khai bà H, bà C, bà H, bà N, bà P thống nhất trình bày: Bà T làm thảo hụi, bà A cùng là hụi viên với bà H, bà C, bà H, bà N, bà P tham gia góp hụi, đóng tiền hụi cho bà T. Tháng 8/2023 bà T kêu bẻ hụi, nhưng bà T không chi trả tiền hụi lại cho bà A.*

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc bà T trả cho bà A tiền hụi 8.100.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng góp hụi”. Căn cứ, giải quyết theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị A, Trần Thị Thanh Th, Nguyễn Anh T đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không rõ lý do; người làm chứng có đơn xin vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà A yêu cầu bà T trả lại số tiền hụi 8.100.000 đồng; xét thấy:

Theo biên bản xác minh ngày 23/4/2024 (bút lục số 92) và lời khai của những người làm chứng Trần Thị Ngọc H, Trần Thị C, Nguyễn Thị Kim N, Liễu Thị H, Trần Thị Ngọc P thống nhất trình bày bà T làm thảo hụi, bà A có tham gia góp hụi và đóng tiền hụi cho bà T; tháng 8/2023 âm lịch bà T kêu bẻ hụi, nhưng bà T không trả

tiền hui lại cho bà A. Tòa án đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng, các tài liệu, chứng cứ, nội dung yêu cầu khởi kiện của bà A cho bà T, nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ bà T đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui cho bà A. Nên bà A khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền hui 8.100.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở; nên chấp nhận.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án; nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 471; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.
 - Điều 147, 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền hui 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm ngàn đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà T phải chịu 405.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
 - Bà A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm, do người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Ngọc A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T, bà A, bà Th, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu